

Số: 4615/VĐ-VTTBYT
V/v Yêu cầu báo giá TTBYT

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở mua sắm vật tư y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Vũ Thị Vân Anh (037 547 0686).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Nhận qua email: vietduchospitalmuasam@gmail.com. Đơn vị cung cấp báo giá qua email phải ghi rõ Số hiệu văn bản YCBG trong nội dung email.

(Lưu ý: Các đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo 2 hình thức nêu trên)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h, ngày 03 tháng 10 năm 2024 đến trước 03h ngày 14 tháng 10 năm 2024.

Lưu ý: Yêu cầu quý công ty cung cấp thông tin đơn giá của các mặt hàng trong nội dung báo giá của mình trong trường hợp bệnh viện cần thay đổi số lượng cần mua sắm.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế: Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm

2. Địa điểm cung cấp: Kho Vật tư tiêu hao – Phòng VT-TBYT – Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.

Phương thức giao nhận: Căn cứ số lượng gọi hàng của Bệnh viện, Bên bán thực hiện việc xuất hóa đơn bao gồm Thuế GTGT kèm biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa, chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa do bên bán chịu.

Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Căn cứ vào số lượng gọi hàng, Bên Bán thực hiện việc xuất hóa đơn thuế GTGT kèm biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa, giao cho Bệnh viện mua làm cơ sở để thanh toán, thời gian thanh toán tối đa 90 ngày kể từ khi Bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ theo quy định cho Bệnh viện.



3. Thời gian giao hàng dự kiến: ≤ 48 giờ kể từ khi có yêu cầu của Bệnh viện.

4. Các thông tin khác (nếu có):

4.1. Yêu cầu Hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Đăng ký kinh doanh của đơn vị chào giá;
- Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế căn cứ theo Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP (áp dụng đối với các thiết bị loại B,C,D);
- Báo giá (theo mẫu Phụ lục 02 đính kèm).
- Cung cấp các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế. Cung cấp Cataloge, cấu hình và tính năng kỹ thuật của trang thiết bị và các tài liệu khác liên quan đến trang thiết bị (Chứng nhận ISO của hãng sản xuất (còn hạn), Giấy phép nhập khẩu/Giấy chứng nhận lưu hành hoặc các tài liệu tương đương);
- Số điện thoại/ Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.
- Hợp đồng mua bán hàng hóa tương tự (Nếu có).
- Các thông tin khác (nếu có).

4.2. Các quy định đối với báo giá:

- Báo giá có đầy đủ các nội dung, mẫu biểu theo đúng mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.
- Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký và đóng dấu theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/cáo);
- Lưu: VT, VT-TBYT

OK

TL. GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG VT-TBYT



Hoàng Bảo Anh

PHỤ LỤC 01. BẢNG MÔ TẢ

(Kèm theo công văn số: 4615/VĐ-VTTBYT ngày 05 tháng 10 năm 2024)

Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật

I. YÊU CẦU CHUNG:

- Hàng hóa mới 100%
- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 còn hiệu lực.

II. DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT CƠ BẢN:

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
1	Chỉ thép số 1	Chỉ đơn sợi số 1, bằng thép không gỉ tối thiểu 316L, dài tối thiểu 45cm. 1 kim tròn đầu cắt, dài 40mm ($\pm \leq 3$ mm), 1/2 đường tròn, kim phủ silicon. Đầu kim xoay, phần đỉnh kèm kim vào chỉ có sẵn với đầu xoay, giúp thao tác dễ dàng và giảm thiểu xoắn chỉ. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	552
2	Chỉ thép số 5	Chỉ đơn sợi số 5, bằng thép không gỉ tối thiểu 316L, dài tối thiểu 45cm. 1 kim tròn đầu cắt, dài 48mm ($\pm \leq 1$ mm), 1/2 đường tròn, kim phủ silicon. Đầu kim xoay, phần đỉnh kèm kim vào chỉ có sẵn với đầu xoay, giúp thao tác dễ dàng và giảm thiểu xoắn chỉ. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	18,888
3	Chỉ điện cực tim số 3/0	Chỉ điện cực tim số 3/0, bằng thép không gỉ dạng xoắn, sợi dài tối thiểu 60cm. Gồm 2 kim: 1 kim thẳng dài khoảng 50 ($\pm \leq 2$ mm) và 1 kim tròn dài khoảng 15mm ($\pm \leq 2$ mm), 1/2 vòng tròn, kim phủ silicon. Chỉ được phủ lớp cách điện chống giật khi đi xuyên qua thành ngực.	Sợi	3,648
4	Chỉ nâng mô	Chất liệu bằng silicone, dài tối thiểu 75cm, rộng 2.5mm (Sai số $\pm \leq 5$ %). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	3,048
5	Chỉ không tiêu đơn sợi số 0	Chỉ không tiêu đơn sợi Polypropylene số 0, sợi dài tối thiểu 100cm. 1 kim tròn đầu cắt, dài 35mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 đường tròn, kim phủ silicone, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn. Đường kính kim ≤ 1.02 mm giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	3,192

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
6	Chi không tiêu đơn sợi số 2/0	Chi không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene và Polyethylene số 2/0 dài tối thiểu 75cm. 1 kim tròn dài 25mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), 1/2 vòng tròn. Kim bằng thép không gỉ phủ Silicone, thân kim hình bán vuông cải thiện khả năng chống uốn kim. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chi cao. Tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	6,672
7	Chi không tiêu đơn sợi số 3/0	Chi không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene và Polyethylene số 3/0 dài tối thiểu 90cm. Gồm 2 kim tròn, dài 25mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), 1/2 vòng tròn. Kim bằng thép không gỉ phủ Silicone, thân kim hình bán vuông cải thiện khả năng chống uốn kim. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chi cao. Tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	9,840
8	Chi không tiêu đơn sợi số 4/0	Chi không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4/0, sợi dài tối thiểu 90cm, bổ sung thành phần Polyethylenglycol hoặc tương đương có tác dụng chống xước và làm mềm, mượt sợi chỉ. Gồm 2 kim tròn đầu nhọn, cung cấp được 02 loại kim dài 22mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) và 17mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), 1/2 vòng tròn. Kim làm bằng hợp kim, kim phủ lớp silicone. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt Tiêu chuẩn FDA và ISO 13485.	Sợi	17,640
9	Chi không tiêu đơn sợi số 4/0 (kim 20mm)	Chi không tiêu đơn sợi Polypropylene số 4/0, sợi dài tối thiểu 90cm. Gồm 2 kim tròn đầu cắt, kim dài 20mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 đường tròn, kim làm bằng hợp kim, kim phủ lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đường kính kim $\leq 0.5\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim $> 2750\text{Mpa}$ (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	26,640

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
10	Chỉ không tiêu đơn sợi số 4/0 (kim bán vuông)	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene và Polyethylene số 4/0 dài tối thiểu 90cm. Gồm 2 kim tròn, cung cấp được 03 loại kim dài 26mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), kim 22mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) và kim 17mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), 1/2 vòng tròn. Kim bằng thép không gỉ phủ Silicone, thân kim hình bán vuông cải thiện khả năng chống uốn kim. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	61,632
11	Chỉ không tiêu đơn sợi số 5/0 (kim 17mm)	Chỉ không tiêu đơn sợi Polypropylene số 5/0, dài tối thiểu 90cm. Gồm 2 kim tròn đầu cắt, kim dài khoảng 17mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 đường tròn, kim làm bằng hợp kim, kim phủ lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đường kính kim $\leq 0.41\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim $> 2750\text{ Mpa}$ (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	11,040
12	Chỉ không tiêu đơn sợi số 5/0 (kim 13mm)	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0, sợi dài tối thiểu 90cm, bổ sung thành phần Polyethylenglycol có tác dụng chống xước và làm mềm, mượt sợi chỉ. Gồm 2 kim tròn đầu nhọn, kim dài 13mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn. Kim làm bằng hợp kim, kim phủ lớp silicone. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt Tiêu chuẩn FDA và ISO 13485	Sợi	7,440
13	Chỉ không tiêu đơn sợi số 5/0 (kim bán vuông)	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene và Polyethylene số 5/0 dài tối thiểu 75cm. Gồm 2 kim tròn, cung cấp được 2 loại kim dài 13mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 3/8 vòng tròn và 17mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn. Kim bằng thép không gỉ phủ Silicone, thân kim hình bán vuông cải thiện khả năng chống uốn kim. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	25,824

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
14	Chỉ không tiêu đơn sợi số 6/0 (kim 13mm)	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0, sợi dài tối thiểu 75cm, bổ sung thành phần Polyethylenglycol hoặc tương đương có tác dụng chống xước và làm mềm, mượt sợi chỉ. Gồm 2 kim tròn đầu nhọn, kim dài 13mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 3/8 vòng tròn. Kim làm bằng hợp kim, kim phủ lớp silicone. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt Tiêu chuẩn FDA và ISO 13485	Sợi	6,792
15	Chỉ không tiêu đơn sợi số 6/0 (kim 10mm)	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene và Polyethylene số 6/0 dài tối thiểu 75cm. Gồm 2 kim tròn, kim dài 10mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), 3/8 vòng tròn. Kim bằng thép không gỉ phủ Silicone, thân kim hình bán vuông cải thiện khả năng chống uốn kim. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	6,792
16	Chỉ không tiêu đơn sợi số 7/0	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene và Polyethylene số 7/0 dài tối thiểu 60cm. Gồm 2 kim tròn, kim dài 10mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), 3/8 vòng tròn. Kim bằng thép không gỉ phủ Silicone, thân kim hình bán vuông cải thiện khả năng chống uốn kim. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	5,328
17	Chỉ không tiêu đơn sợi số 8/0	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 8/0, sợi dài tối thiểu 60cm. Gồm 2 kim tròn đầu cắt, kim dài 10mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 3/8 đường tròn, kim bằng hợp phủ silicon, vùng kẹp kim phẳng giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đường kính kim $\leq 0.25\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	1,080
18	Chỉ không tiêu đơn sợi Polyamid số 3/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi chất liệu Polyamid số 3/0 dài tối thiểu 75cm. 1 kim tam giác, dài 25mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 3/8 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	228,240

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
19	Chỉ không tiêu đơn sợi Polyamid số 4/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi chất liệu Polyamid số 4/0 dài tối thiểu 75cm. 1 kim tam giác, dài 20mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 3/8 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	16,800
20	Chỉ không tiêu đơn sợi Polyamid số 5/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi chất liệu Polyamid số 5/0 dài tối thiểu 75cm. 1 kim tam giác, dài 15mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 3/8 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	9,432
21	Chỉ không tiêu đơn sợi Polyamid số 6/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi chất liệu Polyamid số 6/0 dài tối thiểu 45cm. 1 kim tam giác, dài 12mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 3/8 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	13,920
22	Chỉ không tiêu đơn sợi số 2/0 (kim thẳng)	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene số 2/0, sợi dài tối thiểu 75cm. Gồm 2 kim thẳng, dài 70mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), kim bằng thép được phủ silicon. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	11,088
23	Chỉ không tiêu đơn sợi Polyamid số 9/0	Chỉ không tiêu đơn sợi Polyamide số 9/0, sợi dài tối thiểu 13cm. 1 kim tròn đầu tròn dài 5mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$) 3/8 đường tròn, kim bằng thép không gỉ phủ silicon. Đường kính kim $\leq 0.16\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	1,080
24	Chỉ khâu phẫu thuật liền kim Nylon số 9/0	Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon số 9/0, sợi dài tối thiểu 15cm, màu đen. Kim tròn, dài 4mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$), 3/8 đường tròn.	Sợi	1,680
25	Chỉ không tiêu đơn sợi Polyamid số 10/0	Chỉ không tiêu đơn sợi Polyamide số 10/0, sợi dài tối thiểu 13cm. 1 kim tròn đầu tròn dài 5mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$) 3/8 đường tròn, kim bằng thép không gỉ phủ silicon. Đường kính kim $\leq 0.16\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	480
26	Chỉ khâu phẫu thuật liền kim Nylon số 10/0	Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon số 10/0, sợi dài tối thiểu 15cm, màu đen. Kim tròn, dài 4mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$), 3/8 đường tròn.	Sợi	2,640
27	Chỉ khâu phẫu thuật liền kim Nylon số 11/0	Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon số 11/0, sợi dài tối thiểu 15cm, màu đen. Kim tròn, dài 3mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$), 3/8 đường tròn.	Sợi	1,800

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
28	Chỉ không tiêu tổng hợp sợi bện số 2/0 (kim 25mm, có miếng đệm)	Chỉ không tiêu tổng hợp sợi bện Polyeste số 2/0, sợi dài tối thiểu 75cm phủ silicon hoặc chất liệu khác có tính năng tương đương, cung cấp được 2 màu chỉ khác nhau. Gồm 2 kim tròn màu đen, dài 25mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn. Sợi chỉ có miếng đệm 6x3mm (Sai số kích thước mỗi chiều $\pm \leq 5\%$). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC (MDR).	Sợi	26,640
29	Chỉ không tiêu tổng hợp sợi bện số 2/0 (kim 17mm, có miếng đệm)	Chỉ không tiêu tổng hợp sợi bện Polyeste số 2/0, sợi dài tối thiểu 75cm phủ silicon hoặc chất liệu khác có tính năng tương đương, cung cấp được 2 màu chỉ khác nhau. Gồm 2 kim tròn màu đen, dài 17mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn. Sợi chỉ có miếng đệm 6x3mm (Sai số kích thước mỗi chiều $\pm \leq 5\%$). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC (MDR).	Sợi	40,728
30	Chỉ không tiêu sợi bện không kim 3/0	Chỉ không tiêu đa sợi làm từ tơ tầm 3/0, dài tối thiểu 60cm, không kim.	Sợi	91,320
31	Chỉ không tiêu sợi bện không kim 2/0	Chỉ không tiêu đa sợi làm từ tơ tầm 2/0, dài tối thiểu 60cm, không kim.	Sợi	7,704
32	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polydioxanone số 3/0	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polydioxanone số 3/0, sợi dài tối thiểu 70cm, lực căng sợi chỉ còn 60% sau 40-45 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 180 - 240 ngày. 1 kim tròn đầu thoi, kim dài 25mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép không gỉ phủ silicone, vùng kẹp kim phẳng có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đường kính kim $\leq 0.6\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim $> 2750\text{ Mpa}$ (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	6,120

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
33	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate số 3/0	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate / glyconate số 3/0, sợi dài tối thiểu 70cm; thời gian giữ vết thương: tối thiểu 14 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 60-90 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, dài 20mm (± 2 mm) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	6,120
34	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polydioxanone số 4/0	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polydioxanone số 4/0, sợi dài tối thiểu 70cm, lực căng sợi chỉ còn 60% sau 40-45 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 180 - 240 ngày. 1 kim tròn đầu thoi, kim dài 20mm (± 1 mm) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép không gỉ phủ silicone, vùng kẹp kim phẳng có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đường kính kim ≤ 0.46 mm giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	12,360
35	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate số 4/0	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate/ glyconate số 4/0, sợi dài tối thiểu 70cm; thời gian giữ vết thương tối thiểu 14 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 60 - 90 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, kim dài 20mm (± 2 mm) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	12,336
36	Chỉ tiêu chậm đơn sợi số 5/0	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate/ glyconate số 5/0, sợi dài tối thiểu 70cm; thời gian giữ vết thương tối thiểu 14 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 60 - 90 ngày. 1 kim tròn dài 17mm (± 2 mm) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	9,240

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
37	Chỉ tiêu đơn sợi số 6/0	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate/ glyconate số 6/0, sợi dài tối thiểu 70cm; thời gian giữ vết thương tối thiểu 14 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 60 - 180 ngày. 1 kim tròn dài 10mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	6,672
38	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polydioxanone số 7/0	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polydioxanone số 7/0, sợi dài tối thiểu 70cm, lực căng sợi chỉ còn 60% sau 40-45 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 180 - 240 ngày. 2 kim tròn đầu cắt, kim dài 9mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép không gỉ phủ silicone. Đường kính kim ≤ 0.25 mm giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Sợi	1,080
39	Chỉ tiêu chậm đơn sợi số 5/0 (kim tam giác)	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate số 5/0, sợi dài tối thiểu 45cm, không màu, thời gian duy trì lực giữ vết thương khoảng 40-45 ngày, tiêu hoàn toàn trong khoảng 180 ngày. 1 kim tam giác, dài 13mm ($\pm \leq 1$ mm) 3/8 vòng tròn, phủ silicon. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt Tiêu chuẩn FDA và ISO 13485.	Sợi	840
40	Chỉ tiêu chậm đơn sợi số 4/0 (kim tam giác)	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate số 4/0, sợi dài tối thiểu 45cm, không màu, thời gian duy trì lực giữ vết thương khoảng 40-45 ngày, tiêu hoàn toàn trong khoảng 180 ngày. 1 kim tam giác, dài 15mm ($\pm \leq 1$ mm) 3/8 vòng tròn, phủ silicon. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt Tiêu chuẩn FDA và ISO 13485.	Sợi	1,200

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
41	Chỉ tiêu chậm đơn sợi số 3/0 (kim tam giác)	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate số 3/0, sợi dài tối thiểu 45cm, không màu, thời gian duy trì lực giữ vết thương khoảng 40-45 ngày, tiêu hoàn toàn trong khoảng 180 ngày. 1 kim tam giác, dài 20mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 3/8 vòng tròn, phủ silicon. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt Tiêu chuẩn FDA và ISO 13485.	Sợi	720
42	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền Polyglactine số 0	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglactine 910 số 0, sợi dài tối thiểu 75cm, được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng và không bong tróc; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu thoi, dài 35mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ Silicone. Đường kính kim $\leq 0.85\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim $> 2750\text{ Mpa}$ (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và CFS.	Sợi	41,403
43	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền Polyglycolic số 0	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 0, dài tối thiểu 90cm, chỉ có chất liệu Polyglycolic được bọc bởi chất điện hoạt có tác dụng chống xước và làm mềm, mượt sợi chỉ; thời gian giữ vết thương khoảng 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, dài 40mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép phủ không gỉ phủ Silicone. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485.	Sợi	41,448
44	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền Polyglycolic số 1	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 1, dài tối thiểu 90cm, chỉ chất liệu Polyglycolic được bọc bởi chất điện hoạt có tác dụng chống xước và làm mềm, mượt sợi chỉ; thời gian giữ vết thương khoảng 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, dài 40mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép phủ không gỉ phủ Silicone. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485.	Sợi	78,240

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
45	Chi tiêu tổng hợp sợi bện số 1	Chi tiêu tổng hợp sợi bện polyglactin 910 số 1, sợi dài tối thiểu 90cm, được bọc bởi Polyglactin 370 và Canxi stearate có tác dụng chống xước và mềm, mượt sợi chỉ. Sức căng kéo giảm 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn trong 56-70 ngày. 1 kim tròn dài 40mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	58,560
46	Chi tiêu tổng hợp sợi bện Polyglactine số 1	Chi tiêu tổng hợp Polyglactine 910 số 1, sợi dài tối thiểu 90cm, được bọc bởi chất diện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng và không bong tróc; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, dài 40mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ Silicone. Đường kính kim $\leq 1.05\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và CFS.	Sợi	58,560
47	Chi tiêu tổng hợp sợi bện Polyglycolic số 2	Chi tiêu tổng hợp sợi bện số 2, dài tối thiểu 75cm, chỉ có chất liệu Polyglycolic được bọc bởi chất diện hoạt có tác dụng chống xước và làm mềm, mượt sợi chỉ; thời gian giữ vết thương khoảng 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu cắt, dài 40-48mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép phủ không gỉ phủ Silicone. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485.	Sợi	6,120
48	Chi tiêu tổng hợp sợi bện Polyglactine số 2/0	Chi tiêu tổng hợp Polyglactine 910 số 2/0, sợi dài tối thiểu 75cm, được bọc bởi chất diện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng và không bong tróc; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu thoi, dài 26mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ Silicone. Đường kính kim $\leq 0.67\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và CFS.	Sợi	84,600

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
49	Chi tiêu tổng hợp sợi bện Polyglycolic số 2/0	Chi tiêu tổng hợp sợi bện số 2/0, dài tối thiểu 75cm, chỉ có chất liệu Polyglycolic được bọc bởi chất diện hoạt có tác dụng chống xước và làm mềm, mượt sợi chỉ; thời gian giữ vết thương khoảng 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, dài 25mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép phủ không gỉ phủ Silicone. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485.	Sợi	63,480
50	Chi tiêu tổng hợp sợi bện Polyglactine số 2/0 (dài 70cm)	Chi tiêu tổng hợp sợi bện polyglactin 910 số 2/0, sợi dài tối thiểu 70cm, được bọc bởi Polyglactin 370 và Canxi stearate có tác dụng chống xước và mềm, mượt sợi chỉ. Sức căng kéo giảm 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn trong 56-70 ngày. 1 kim tròn dài 25mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	63,480
51	Chi tiêu tổng hợp sợi bện Polyglycolic số 3/0	Chi tiêu tổng hợp sợi bện số 3/0, dài tối thiểu 75cm, chỉ chất liệu Polyglycolic được bọc bởi chất diện hoạt có tác dụng chống xước và làm mềm, mượt sợi chỉ; thời gian giữ vết thương khoảng 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, dài 25mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép phủ không gỉ phủ Silicone. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485.	Sợi	40,440
52	Chi tiêu tổng hợp sợi bện Polyglactine số 3/0	Chi tiêu tổng hợp Polyglactine 910 số 3/0, sợi dài tối thiểu 75cm, được bọc bởi chất diện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng và không bong tróc; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu thoi, dài 25mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ Silicone. Đường kính kim $\leq 0.67\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và CFS.	Sợi	53,880

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
53	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện Polyglactine số 3/0 (dài 70cm)	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện polyglactin 910 số 3/0, sợi dài tối thiểu 70cm, được bọc bởi Polyglactin 370 và Canxi stearate có tác dụng chống xước và mềm, mượt sợi chỉ. Sức căng kéo giảm 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn trong 56-70 ngày. 1 kim tròn dài 25mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	40,440
54	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện Polyglactine số 4/0 (dài 70cm)	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện polyglactin 910 số 4/0, sợi dài tối thiểu 70cm, được bọc bởi Polyglactin 370 và Canxi stearate có tác dụng chống xước và mềm, mượt sợi chỉ. Sức căng kéo giảm 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn trong 56-70 ngày. 1 kim tròn dài 17mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	41,040
55	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện Polyglactine số 4/0	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglactine 910 số 4/0, sợi dài tối thiểu 75cm, được bọc bởi chất diện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng và không bong tróc; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu thoi, dài 20mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ Silicone. Đường kính kim $\leq 0.5\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và CFS.	Sợi	17,640
56	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện số 5/0	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglactine 910 số 5/0, sợi dài tối thiểu 75cm, được bọc bởi chất diện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng và không bong tróc; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu thoi, dài 17mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép không gỉ phủ Silicone. Đường kính kim $\leq 0.5\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	4,296

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
57	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp sợi bện số 4/0	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp sợi bện số 4/0, sợi dài tối thiểu 75cm, chất liệu chỉ Polyglactin 910 được bọc bởi chất diện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng và không bong tróc; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 05 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 40 - 45 ngày. 1 kim tam giác ngược, dài 20mm ($\pm \leq 1$ mm) 3/8 đường tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ silicone. Đường kính kim ≤ 0.5 mm giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	14,040
58	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đơn sợi số 4/0	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đơn sợi Glyconate số 4/0, sợi dài tối thiểu 45cm, thời gian tiêu hoàn toàn trong vòng 56 ngày. 1 kim tam giác, dài 20mm ($\pm \leq 1$ mm) 3/8 đường tròn, kim bằng thép 300. Thân được làm phẳng để tránh bị xoay trong nẹp kim. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC	Sợi	14,040
59	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp sợi bện số 5/0	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp sợi bện số 5/0, sợi dài tối thiểu 45cm, vật liệu chỉ Polyglactin 910 được bọc bởi chất diện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng và không bong tróc; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 05 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 40 - 45 ngày. 1 kim tam giác ngược, dài 10mm ($\pm \leq 1$ mm) 3/8 đường tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ silicone. Đường kính kim ≤ 0.36 mm giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập). Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	3,216
60	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đơn sợi số 5/0	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đơn sợi Glyconate số 5/0, sợi dài tối thiểu 45cm, thời gian tiêu hoàn toàn trong vòng 56 ngày. 1 kim tam giác, dài 13mm ($\pm \leq 1$ mm) 3/8 đường tròn, kim bằng thép 300. Thân được làm phẳng để tránh bị xoay trong nẹp kim. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC	Sợi	3,192

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
61	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn IMP số 0	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn Polyglactin 910 số 0, sợi dài tối thiểu 90cm, được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng, không bong tróc và chất kháng khuẩn Irgacare MP hoặc chất liệu khác có tính năng tương đương; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, dài 40mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 đường tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ silicone. Đường kính kim ≤ 1.15 mm giúp giảm chảy máu chân kim. Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Sợi	6,600
62	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate số 1	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn Polyglactin 910 số 1, sợi dài tối thiểu 90cm, được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng, không bong tróc và chất kháng khuẩn chlorhexidine diacetate; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn 40mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 đường tròn. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	3,672
63	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn IMP số 1	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn Polyglactin 910 số 1, sợi dài tối thiểu 90cm, được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng, không bong tróc và chất kháng khuẩn Irgacare MP; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn dài 40mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 đường tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ silicon. Đường kính kim ≤ 1.15 mm giúp giảm chảy máu chân kim. độ bền kéo kim > 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Sợi	3,672

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
64	Chi tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate số 2/0	Chi tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn Polyglactin 910 số 2/0, sợi dài tối thiểu 70cm, được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng, không bong tróc và chất kháng khuẩn chlorhexidine diacetate; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn 25mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 đường tròn. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	3,888
65	Chi tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn IMP số 2/0	Chi tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn Polyglactin 910 số 2/0, sợi dài tối thiểu 70cm, được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng, không bong tróc và chất kháng khuẩn Irgacare MP hoặc chất liệu khác có tính năng tương đương; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 đường tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ silicon. Đường kính kim $\leq 0.65\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. độ bền kéo kim $> 2750\text{ Mpa}$ (có chứng nhận từ tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Sợi	3,912
66	Chi tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate số 3/0	Chi tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn Polyglactin 910 số 3/0, sợi dài tối thiểu 70cm, được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng, không bong tróc và chất kháng khuẩn chlorhexidine diacetate; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn 25mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 đường tròn. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC.	Sợi	6,240

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
67	Chi tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn IMP số 3/0	Chi tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn Polyglactin 910 số 3/0, sợi dài tối thiểu 70cm, được bọc bởi chất diện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng, không bong tróc và chất kháng khuẩn Irgacare MP hoặc chất liệu khác có tính năng tương đương; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 đường tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ silicon. Đường kính kim ≤ 0.65 mm giúp giảm chảy máu chân kim. độ bền kéo kim > 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Sợi	6,240
68	Chi tiêu chậm tổng hợp đơn sợi có neo số 1	Chi tiêu chậm đơn sợi Polydioxanone số 1, có kháng khuẩn Irgacare MP, không thắt nút có 2 hàng neo ép đối xứng, có tối thiểu 5 neo trên 1cm, đoạn dẫn không có neo dài 20mm ($\pm \leq 1$ mm). Sợi dài tối thiểu 45cm, thời gian giữ vết thương 4 - 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn trong khoảng 180 - 240 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, kim dài 40mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 vòng tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ Silicone. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	4,800

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
69	Chỉ tiêu chậm tổng hợp đơn sợi có neo số 2/0	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polydioxanone số 2/0, có kháng khuẩn Irgacare MP, không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ. Sợi dài tối thiểu 30cm, thời gian giữ vết thương 4 - 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn trong khoảng 180 - 240 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, kim dài 35mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 vòng tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ Silicone. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	2,880
70	Chỉ tiêu chậm tổng hợp đơn sợi có neo số 3/0	Chỉ tiêu chậm đơn sợi được cấu tạo từ một copolymer của glycolide và ϵ -caprolactone số 3/0, có kháng khuẩn Irgacare MP, không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ. Sợi dài tối thiểu 23cm, thời gian giữ vết thương 1 - 2 tuần, thời gian tan hoàn toàn trong khoảng 90 - 120 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, kim dài 25mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 vòng tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ Silicone. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa hoặc quy cách tương đương giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA.	Sợi	720
71	Chỉ tiêu đơn sợi có gai số 3/0	Chỉ tiêu chậm đơn sợi có gai, cấu tạo từ copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonat, không cần nút buộc số 3/0, sợi dài tối thiểu 15cm, thiết kế gai tù góc đôi, giữ vết thương trong 3 tuần, tiêu hoàn toàn sau 180 ngày. 1 kim tròn đầu nhọn, 1/2 vòng tròn, 26mm ($\pm \leq 1$ mm), kim phủ silicon. Đóng gói tối thiểu nhớ hình. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Sợi	720
72	Chỉ tiêu đơn sợi có gai số 4/0	Chỉ tiêu chậm đơn sợi có gai, cấu tạo từ copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonat, không cần nút buộc số 3/0, sợi dài tối thiểu 15cm, thiết kế gai tù góc đôi, giữ vết thương trong 3 tuần, tiêu hoàn toàn sau 180 ngày. 1 kim tròn đầu nhọn, 1/2 vòng tròn, 17mm ($\pm \leq 1$ mm), kim phủ silicon. Đóng gói tối thiểu nhớ hình. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Sợi	1,200

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
73	Vật liệu cầm máu tự tiêu Collagen	Vật liệu cầm máu collagen tự tiêu, dạng sợi nhỏ, kích thước tối thiểu 5cmx8cm, tự tiêu hoàn toàn trong khoảng sau 21 ngày. Thấm hút tốt, cầm máu nhanh, dễ bám dính vết thương. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC	Miếng	23,928
74	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose oxy hóa dạng lưới 10cm x 20cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose oxy hóa tái tổ hợp sợi Rayon đường kính $\leq 20\mu\text{m}$, kích thước tối thiểu 10cm x 20cm, dạng lưới mỏng trọng lượng khoảng 6.5 mg/cm ² ($\pm 5\%$), có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (khoảng 2.4) giúp co mạch tại chỗ và đẩy nhanh quá trình cầm máu, tự tiêu hoàn toàn trong khoảng 7 - 14 ngày. Vật liệu cầm máu nhanh (trong khoảng 1-2 phút), bám dính và cầm máu ngay cả đối với bề mặt không bằng phẳng. Đạt tiêu chuẩn CE.	Miếng	22,752
75	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose oxy hóa dạng gạc 10cm x 20cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu được sản xuất từ 100% vật liệu hữu cơ Cellulose oxy hóa tái tổ hợp, kích thước tối thiểu 10cm x 20 cm, có tính kháng khuẩn, tự tiêu hoàn toàn trong khoảng sau 7 - 14 ngày. Vật liệu cầm máu nhanh (trong khoảng 2-3 phút).	Miếng	9,600
76	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose tái tổ hợp 5cm x 10cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose oxy hóa tái tổ hợp sợi Rayon đường kính $\leq 20\mu\text{m}$, kích thước tối thiểu 5cm x 10cm, dạng bông xốp sợi ngắn trọng lượng khoảng 26.5 mg/cm ² ($\pm 5\%$), có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (khoảng 2.4) giúp co mạch tại chỗ và đẩy nhanh quá trình cầm máu, tự tiêu hoàn toàn trong khoảng 7 - 14 ngày. Vật liệu dễ tách thành nhiều lớp; dễ cắt, xé, cuộn lại để đưa vào các vị trí nhỏ; bám tốt vào mô chảy máu như một lớp gel mỏng, cầm máu nhanh (1-2 phút). Đạt tiêu chuẩn FDA.	Miếng	12,912

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
77	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose tái tổ hợp 2.5cm x 5cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose oxy hóa tái tổ hợp sợi Rayon đường kính $\leq 20\mu\text{m}$, kích thước tối thiểu 2.5cm x 5cm, dạng bông xốp sợi ngắn trọng lượng khoảng 26.5 mg/cm ² ($\pm 5\%$), có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (khoảng 2.4) giúp co mạch tại chỗ và đẩy nhanh quá trình cầm máu, tự tiêu hoàn toàn trong khoảng 7 - 14 ngày. Vật liệu dễ tách thành nhiều lớp; dễ cắt, xé, cuộn lại để đưa vào các vị trí nhỏ; bám tốt vào mô chảy máu như một lớp gel mỏng, cầm máu nhanh (1-2 phút). Đạt tiêu chuẩn FDA.	Miếng	840
78	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose không oxy hóa 10cm x 10cm	Vật liệu cầm máu thành phần Cellulose không oxy hóa, kích thước tối thiểu 10cmx10cm. Cầm máu cho tất cả các trường hợp từ chảy máu nặng tới chảy máu mao mạch, kể cả trường hợp thân nhiệt thấp và bệnh rối loạn đông máu. Tác dụng cầm máu nhanh trong khoảng 3-5 phút. Hấp thu được lượng máu bằng 2500% so với trọng lượng miếng cầm máu. Tồn tại trong vết thương ở dạng ổn định tới 24-36 giờ. Tự tiêu hoàn toàn trong khoảng 7 ngày. Vật liệu cầm máu nhanh, tự bám dính vào vết thương không cần ép, có thể lấy ra khỏi vết thương dễ dàng nếu cần. Không bám dính dụng cụ.	Miếng	3,912
79	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose oxy hóa tái tổ hợp 5cm x 10cm (giữ được chỉ khâu)	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose oxy hóa tái tổ hợp sợi Rayon đường kính $\leq 20\mu\text{m}$, kích thước tối thiểu 5cm x 10 cm, dạng bông xốp ép, trọng lượng khoảng 11mg/cm ² ($\pm 5\%$), có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (khoảng 2.4), bọc được tạng và giữ được chỉ khâu qua lớp vật liệu cầm máu, dễ dàng dịch chuyển và không bị dính vào dụng cụ. Cầm máu nhanh, tự tiêu hoàn toàn trong khoảng 7 - 14 ngày. Vật liệu dễ cắt, xé, cuộn lại để đưa vào các vị trí nhỏ; bám tốt vào mô chảy máu như một lớp gel mỏng, cầm máu nhanh (1-2 phút). Bọc được tạng và giữ được chỉ khâu qua lớp vật liệu cầm máu, dễ dàng dịch chuyển và không bị dính vào dụng cụ. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Miếng	2,160

STT	Tên vật tư	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự kiến
80	Ghim da	Vật tư dính da thân bằng nhựa; ghim bằng thép không gỉ, có tối thiểu là 35 cái ghim. Dễ thao tác, dùng lực bóp nhẹ nhưng ghim được da khít, chắc chắn và phẳng; không bị kẹt khi cần bóp hoặc nhả. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc. Đạt Tiêu chuẩn FDA và ISO 13485.	Cái	11,400

PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 4615/VD-VTTBYT ngày 05 tháng 10 năm 2024)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ Khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) (%)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

Gi chú: Yêu cầu các đơn vị ghi rõ giá trị thuế VAT cho từng thiết bị.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày tháng năm [ghi ngày tháng năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày ... tháng ... năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng tiền Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.